

Số: 12 /2024/CBTT-VNTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: 24h

Điện thoại: (0274).2220339

Nội dung thông tin công bố: Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/dai-hoi-dong-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Bình Dương, ngày 17... tháng 04. năm 2024

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700861497 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 02/01/2008; cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/09/2022.

Hôm nay, vào lúc **08 giờ 47 phút** ngày **17 tháng 04 năm 2024** tại: Phòng VIP 1, Tầng trệt, Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Bình Dương, B11, Đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây được viết tắt là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây được viết tắt là “**Công ty**”).

PHẦN I: PHẦN KHAI MẠC

I. TUYÊN BỐ LÝ DO

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty hiện hành, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) của Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thành phần tham dự:

- Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Tuấn Anh Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Bá Thước Thành viên HĐQT
- Bà Võ Thị Thanh Hương Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Hải Hoàng Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trà Thành viên Ban kiểm soát

Và các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.

II. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG:

Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm **08 giờ 47 phút ngày 17/04/2024**, với kết quả sau:

- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách chốt ngày 18/03/2024 là **2.472** cổ đông, nắm giữ tổng cộng **36.727.500** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là **180** người, nắm giữ **25.247.036** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỷ lệ **68,74%** tổng số phiếu biểu quyết (*Danh sách cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp được đính kèm Biên bản họp này*).

Căn cứ khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 1, Điều 19 Điều lệ Công ty hiện hành quy định “**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết**”. Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Đại hội đã tán thành thông qua nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (*tài liệu đính kèm Đại hội*) bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

IV. CHỦ TỌA ĐOÀN, BAN THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU

1. Chủ tọa đoàn:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ | Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa |
| - Ông Phạm Tuấn Anh | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Bá Thước | Thành viên HĐQT |
| - Bà Võ Thị Thanh Hương | Thành viên HĐQT |

2. Ban Thư ký:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| - Bà Lê Thị Xuân Diệu | Thư ký HĐQT |
| - Bà Trần Thị Thanh Ngân | Chuyên viên Pháp chế |

3. Ban kiểm phiếu:

- | | |
|------------------------|------------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Phúc | Kế Toán trưởng – Trưởng Ban kiểm phiếu |
| - Ông Vi Ngọc Đại | Phó Phòng Quản lý Tài chính |
| - Ông Hoàng Thanh Dũng | Phó Phòng Nghiên cứu và Phát triển (R&D) |
| - Ông Thái Thanh Sơn | Chuyên viên IT |

Đại hội đã tán thành thông qua thành phần Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu nêu trên bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

370
CỔ
CỔ
ĐÔNG
TRUY
VIỆ
TỰ M

V. QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Đại hội đã tán thành thông qua nội dung Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

PHẦN II: DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH:

1. Ông **Phạm Tuấn Anh** – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
2. Ông **Dương Ngọc Hoàng Vũ** – Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
3. Bà **Nguyễn Thị Thùy Dương** – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (“BKS”) năm 2023.

(Nội dung báo cáo được nêu đầy đủ tại tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty).

II. TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Các nội dung trao đổi và thảo luận được Ban thư ký ghi nhận tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

III. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Tính đến 11 giờ 09 phút ngày 17/04/2024, tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là 219 người, nắm giữ 25.637.536 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỷ lệ 69,8% tổng số phiếu biểu quyết.

Bà Võ Thị Thanh Hương – Thành viên HĐQT báo cáo Đại hội nội dung các Tờ trình và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình sau:

1. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 (các báo cáo được đính kèm theo tài liệu Đại hội).

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

0867
NG
PH
G N
ÉN T
T N
QT-T

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
2. Thông qua Tờ trình số 02/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, với một số chỉ tiêu sau:

2.1 Kết quả kinh doanh năm 2023

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023		% TH/ KH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	389.000	400.000	370.341	372.439	95,2%	93,1%
2	Tổng chi phí	345.000	356.500	326.142	329.167	94,5%	92,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.000	43.500	44.199	43.272	100,5%	99,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.000	34.000	35.331	33.129	100,9%	97,4%

2.2 Kế hoạch kinh doanh năm 2024

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024		% KH 2024/ TH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	370.341	372.439	360.000	365.500	97,2%	98,1%
2	Tổng chi phí	326.142	329.167	312.000	315.700	95,7%	95,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.199	43.272	48.000	49.800	108,6%	115,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.331	33.129	38.000	39.000	107,6%	117,7%

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
3. Thông qua Tờ trình số 03/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc Phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2023

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023 (hợp nhất)	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		34.000		33.129
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		491		491
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		700		700
5	Khen thưởng Ban điều hành		700		550
6	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		582		35



3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		39.000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		35
3	Quỹ đầu tư phát triển	15%/LNST	5.850
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		800
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	780
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.900
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1.996

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
4. Thông qua Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 như sau:

4.1 Chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2023

Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2023 là **700.000.000 đồng**. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT.

4.2 Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2024

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2024, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2024 là **800.000.000 đồng** và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT.

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.627.641 phiếu, tương ứng với 25.627.641 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,96% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không tán thành: 9.895 phiếu, tương ứng với 9.895 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,04% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
5. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS của Ban kiểm soát về việc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2024.

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.637.536 phiếu, tương ứng với 25.637.536 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

N:3
C
C
TR
V
ĐẤU

PHẦN III. CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Bà **Lê Thị Xuân Diệu** – Đại diện Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Ông **Dương Ngọc Hoàng Vũ** – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết của Đại hội về việc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trước khi bế mạc Đại hội.
Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được thông qua.
3. Biên bản này được thư ký Đại hội ghi đầy đủ trung thực các nội dung của Đại hội.
4. Ông **Dương Ngọc Hoàng Vũ** – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa thay mặt Chủ tọa đoàn phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc Đại hội.
5. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 27 phút cùng ngày. Biên bản này được lập được Chủ tọa và Thư ký cuộc họp ký tên dưới đây./.

THƯ KÝ

LÊ THỊ XUÂN DIỆU

TRẦN THỊ THANH NGÂN

CHỦ TỌA



DƯƠNG NGỌC HOÀNG VŨ

PHỤ LỤC
THẢO LUẬN CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

ngày 17/04/2024)

Cổ đông 1:

Câu hỏi 1: Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, Công ty đã có kế hoạch nào đầy triển vọng trong tương lai hay chưa?

Ông Nguyễn Bá Thuộc – Thành viên HĐQT trả lời: Việc quan trọng nhất là phải chuyên đổi được hạ tầng số, điều mà các nhà mạng quốc gia đã làm được, ưu thế của các nhà mạng khác là có sẵn các nguồn hạ tầng như: hạ tầng cáp quang, mạng thông tin vô tuyến và mạng vô tuyến vệ tinh. Do đó, phải tăng cường hợp tác với các nhà mạng quốc gia để có thể làm được điều này thì mới mang lại hiệu quả. Để làm được điều đó VNTT cần chuẩn bị tốt được 03 yếu tố cơ bản: đầu tiên là nguồn lao động có thực lực – được đào tạo bài bản, thứ hai là cơ sở hạ tầng phải đủ tốt, thứ ba là phải có nguồn vốn hiệu quả.

Câu hỏi 2: Khi nào VNTT có kế hoạch chuyển từ sàn UPCOM lên HOSE để tăng thanh khoản, tăng sự nhận diện của VNTT trên thị trường?

Ông Nguyễn Bá Thuộc – Thành viên HĐQT trả lời: VNTT đang cân nhắc thời điểm phù hợp để chuyển sàn từ UPCOM lên HOSE, HĐQT và BKS sẽ theo dõi chặt chẽ, sát sao. Khi đủ điều kiện và kế hoạch triển khai, HĐQT và BKS sẽ xem xét các yếu tố trong nước và ngoài nước để trình Đại hội thông qua.

Cổ đông 2:

Câu hỏi: Nếu chuyển sàn thì VNTT có kế hoạch tăng vốn hay không?

Ông Nguyễn Bá Thuộc – Thành viên HĐQT trả lời: Nếu tăng vốn, Ban Tổng giám đốc cần phải có kế hoạch và có chiến lược đầu tư để đảm bảo việc tăng vốn đạt hiệu quả, lựa chọn được dự án đầu tư an toàn và có lợi nhuận cho cổ đông.

Cổ đông 3:

Câu hỏi 1: Theo định hướng năm 2024, đến hiện tại VNTT mới nghiên cứu triển khai 5G trong khi các nhà mạng khác đã triển khai rồi, đề nghị HĐQT VNTT nhận định và chọn lọc nhân sự triển khai càng sớm càng tốt vì đây là dịch vụ mang lại lợi nhuận cao.

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: Hiện tại 5G của VNTT là local 5G (private 5G), chỉ làm riêng cho các nhà máy thông minh, KCN thông minh, trên thế giới chỉ mới có Nhật và Đức thực hiện. Hiện tại chưa có tại Việt Nam. VNTT đang làm việc với các cơ quan chức năng để được triển khai, nếu triển khai được thì VNTT sẽ là đơn vị đầu tiên triển khai dịch vụ này.

867
G T
H A
N G
N T
N A I
T-T.V

Câu hỏi 2: VNTT nên có khoản khen thưởng kịp thời cho đội ngũ nhân sự có sáng kiến, đóng góp cho các dự án được triển khai để giữ được nguồn lực chất lượng, tránh việc “chảy máu chất xám”?

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: VNTT đã ban hành Quy chế cụ thể về việc khen thưởng cho cá nhân có sáng kiến, đóng góp lâu dài.

Câu hỏi 3: VNTT đã có địa bàn lý tưởng để kinh doanh, nền móng được ưu ái rất nhiều nhưng không triển khai đầu tư kịp thời thì dễ bị doanh nghiệp khác chiếm ưu thế. Ví dụ như hệ thống camera IP trong KCN hiện đang bỏ ngõ, chưa thấy thực hiện nhiều. Về việc thuê đường truyền Singapore, VNTT nên có phương án kỹ thuật thật kỹ để mang lại hiệu quả cao nhất.

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: VNTT đã triển khai cho hầu hết các dự án Camera trong tỉnh, VNTT hiện tại cũng tham gia tất cả các gói dự án này như 1 nhà thầu độc lập theo đúng quy định.

Về vấn đề Internet Singapore, BDH đang làm việc với 2 nhà mạng quốc tế để kéo kênh truyền từ Singapore hoặc Hồng Kong về, khi đó băng thông đầu vào sẽ mua được với giá rẻ hơn rất nhiều.

Câu hỏi 4: Về An toàn lao động, VNTT phải tính toán hoặc có kế hoạch mua bảo hiểm để nếu có rủi ro xảy ra vẫn còn tài sản?

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: VNTT đã mua đầy đủ các bảo hiểm về An toàn lao động và Phòng cháy chữa cháy. Cán bộ nhân viên của VNTT được tham gia đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Cổ đông 4:

Câu hỏi: Liệu VNTT có đang khiêm tốn khi giảm doanh thu năm 2024 thấp hơn so với năm 2023?

Ông Nguyễn Bá Thuộc – Thành viên HĐQT trả lời: Mặc dù chỉ tiêu kế hoạch doanh thu giảm, tuy nhiên VNTT cố gắng giữ mức lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. VNTT phải đảm bảo vốn an toàn và có cổ tức.

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: Kế hoạch đưa ra phải có tính khả thi và thực hiện được, do đó, Ban TGD phải cẩn trọng về việc đảm bảo đầu tư hiệu quả. VNTT không sợ khó khăn, tuy nhiên kế hoạch làm ra phải thực hiện được, VNTT giảm kế hoạch doanh thu so với 2023 tuy nhiên lợi nhuận tăng hơn so với năm 2023.

Cổ đông 5:

Câu hỏi: Tại Tờ trình số 02/2024/TTr-HĐQT, với lợi nhuận 2024 được đặt ra, hy vọng VNTT đặt ra kế hoạch chi trả cổ tức tăng theo tỷ lệ thuận với kế hoạch lợi nhuận. Về quản lý thông

tin cổ đông, thông tin cổ đông hiện tại đã thay đổi so với lúc đăng ký ban đầu, đề nghị Công ty nắm thông tin và kiểm tra lại, để cổ đông nhận được thông tin chính xác hơn?

Ông Nguyễn Bá Thước – Thành viên HĐQT trả lời: Về việc tăng cổ tức, VNTT rất mong muốn tăng tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông, tuy nhiên hiện tại thách thức rất nhiều, do đó, VNTT mong muốn quý cổ đông cùng chia sẻ với Công ty, VNTT muốn giữ một chỉ tiêu an toàn có thể đạt được nhưng VNTT sẽ cố gắng tốt hơn.

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trả lời: Theo kế hoạch đề ra, do tăng chỉ tiêu quỹ đầu tư phát triển từ 10% lên 15% để đẩy mạnh đầu tư trong thời gian sắp tới, đây là lý do chính VNTT duy trì chỉ tiêu chia cổ tức là 7%.

Bà Lê Thị Xuân Diệu – Thư ký HĐQT trả lời: Liên quan đến việc quản lý thông tin cổ đông, VNTT đã lên sàn giao dịch từ tháng 04/2017, VSDC là đơn vị quản lý thông tin cổ đông. Nếu cổ đông chưa lưu ký chứng khoán thì cổ đông vui lòng liên hệ VNTT để làm thủ tục điều chỉnh thông tin, nếu cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì Cổ đông liên hệ công ty chứng khoán/thành viên lưu ký để điều chỉnh. Đối với một số trường hợp cổ đông không nhận được thư, VNTT sẽ làm việc lại với bên cung cấp dịch vụ chuyên phát.

Cổ đông 6:

Câu hỏi: Mục đăng ký kinh doanh có mục gia công, phát triển phần mềm, VNTT có định hướng phát triển mạnh về lĩnh vực này không?

Ông Nguyễn Bá Thước – Thành viên HĐQT trả lời: VNTT rất muốn xây dựng lực lượng để phát triển lĩnh vực này, tuy nhiên vấn đề đặt ra là sản phẩm đưa ra thị trường có phù hợp với thị trường và xu thế không? Do đó, BDH cần phải nghiên cứu để phát triển phù hợp.



Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Bình Dương, ngày 17 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 (các báo cáo đính kèm theo tài liệu Đại hội).

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 02/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, với một số chỉ tiêu sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2023

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023		% TH/ KH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	389.000	400.000	370.341	372.439	95,2%	93,1%
2	Tổng chi phí	345.000	356.500	326.142	329.167	94,5%	92,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.000	43.500	44.199	43.272	100,5%	99,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.000	34.000	35.331	33.129	100,9%	97,4%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024		% KH 2024/ TH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	370.341	372.439	360.000	365.500	97,2%	98,1%
2	Tổng chi phí	326.142	329.167	312.000	315.700	95,7%	95,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.199	43.272	48.000	49.800	108,6%	115,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.331	33.129	38.000	39.000	107,6%	117,7%

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 03/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc Phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2023

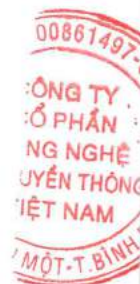
DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023 (hợp nhất)	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		34.000		33.129
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		491		491
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		700		700
5	Khen thưởng Ban điều hành		700		550
6	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		582		35

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		39.000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		35



3	Quỹ đầu tư phát triển	15%/LNST	5.850
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		800
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	780
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.900
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1.996

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 như sau:

1. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2023

Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2023 là **700.000.000 đồng**. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2024

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2024, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2024 là **800.000.000 đồng** và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS của Ban Kiểm soát về việc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2024.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 7. Nghị quyết này được lập, công bố và thống nhất thông qua trước Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam vào lúc 11 giờ 27 phút, ngày 17/04/2024./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CỘNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

DUY NGỌC HOÀNG VŨ

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 (đã kiểm toán)

- Bối cảnh chung Năm 2023: kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi trên cơ sở diễn biến dịch bệnh Covid toàn cầu đã được kiểm soát. Trong năm 2023, Chính Phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch như giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), chính sách lãi suất thấp và các chính sách hỗ trợ khác... đã giúp các hoạt động kinh tế xã hội bắt đầu phục hồi. Kinh tế Mỹ và Châu Âu đối mặt với rủi ro lạm phát tăng cao dẫn đến việc ngân hàng trung ương lớn tại đây thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách tăng lãi suất dẫn đến nhiều biến động lớn trên thị trường tài chính. Là một nước sản xuất với kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu, Việt Nam chịu nhiều biến động bất lợi từ đồng Đô USD tăng giá và chính sách tăng lãi suất toàn cầu làm giảm nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng Việt Nam có lợi thế sản xuất như nội thất, dệt may, điện thoại, điện tử đã tác động lên tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam vào năm 2023 dẫn đến việc GDP năm 2023 chỉ tăng 5.05% (không đạt mục tiêu tăng trưởng 6.5% do Quốc Hội giao).
- Trong bối cảnh khó khăn như vậy, Ban Lãnh Đạo Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“VNTT”) đã quyết liệt áp dụng nhiều giải pháp khác nhau, cộng thêm sự hỗ trợ kịp thời từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex IDC) đã tạo tiền đề để VNTT đạt được những thành tựu đáng khích lệ như sau:
 - Thực hiện thành công chiến lược số hóa thông qua các nền tảng BecaWork, CRM, Ticket và Hóa đơn điện tử đã giúp gia tăng tốc độ và hiệu suất xử lý công việc, giảm đáng kể chi phí in ấn giấy tờ.
 - Đầu năm 2023 đưa vào hoạt động PGD Bình Định kịp thời cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng có nhu cầu tại đây, nâng mạng lưới tỉnh/thành VNTT cung cấp dịch vụ lên 6 tỉnh; hoàn thiện hạ tầng viễn thông sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại KCN VSIP3; đầu tư hạ tầng viễn thông một số dự án Trung tâm thương mại, dự án khu dân cư, chung cư ở Bình Dương, Hải Phòng; hoàn thiện hạ tầng tại Mỹ Phước 3, Bàu Bàng mở rộng tại Bình Dương.
 - Đạt giải thưởng Top 10 Công ty Công nghệ Việt nam uy tín năm 2023 (lần thứ 5 liên tiếp) do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam công bố.



- Nền tảng Beca Smart City của VNTT đạt chứng nhận 5 sao giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2023 lĩnh vực Giải pháp Quản lý, điều hành đô thị thông minh do Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) chứng nhận.
- Trải nghiệm khách hàng ngày càng được nâng cao: Chỉ số kết nối tổng đài chăm sóc khách hàng đạt 95.9% (vượt ngưỡng 80% theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông).
- Đa dạng các hình thức thanh toán trực tuyến (định danh BIDV gạch nợ trực tiếp trên hệ thống VNTT, QR BIDV, VNPT Pay, ví điện tử Payoo,...), qua hệ thống máy POS tại các Phòng giao dịch, qua các điểm thu hộ liên kết Payoo nhằm hướng khách hàng thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt sang thanh toán online, giảm thiểu thất thoát thu nợ bằng tiền mặt và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- So toàn ngành về lĩnh vực viễn thông, VNTT có tốc độ tăng trưởng doanh thu DVVT cao hơn so toàn ngành, tăng 10% so với năm 2022 (cao hơn mức tăng 0.41% của toàn ngành).

Sau đây là báo cáo chi tiết về kết quả kinh doanh năm 2023:

- Kết quả kinh doanh riêng VNTT:

- Tổng doanh thu: 370.3 tỷ đồng, giảm 4.5% so năm 2022 và đạt 95.2% kế hoạch;
- Tổng chi phí: 326.1 tỷ đồng, giảm 5.9% so năm 2022 và đạt 94.5% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 44.2 tỷ đồng, tăng 7.1% so năm 2022 và đạt 100.5% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế: 35.3 tỷ đồng, tăng 7% so năm 2022 và đạt 100.9% kế hoạch.

Stt	CHỈ TIÊU	RIÊNG VNTT (triệu đồng; %)			
		Thực hiện 2023	% so TH 2022	Kế hoạch 2023	%THKH 2023
1	Tổng thu (gồm thu nhập khác)	370,341	95.5%	389,000	95.2%
2	Tổng chi phí (gồm chi phí khác)	326,142	94.1%	345,000	94.5%
3	Lợi nhuận trước thuế	44,199	107.1%	44,000	100.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	35,331	107.0%	35,000	100.9%

- Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu: 372.4 tỷ đồng, giảm 5.1% so năm 2022 và đạt 93.1% kế hoạch;
- Tổng chi phí: 329.2 tỷ đồng, giảm 5.7% so năm 2022 và đạt 92.3% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 43.3 tỷ đồng, tương đương năm 2022 và đạt 99.5% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế: 33.1 tỷ đồng, giảm 1.3% so năm 2022 và đạt 97.4% kế hoạch.

Stt	CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT (triệu đồng; %)			
		Thực hiện 2023	% so TH 2022	Kế hoạch 2023	%THKH 2023
1	Tổng thu (gồm thu nhập khác)	372,439	94.9%	400,000	93.1%
2	Tổng chi phí (gồm chi phí khác)	329,167	94.3%	356,500	92.3%
3	Lợi nhuận trước thuế	43,272	99.9%	43,500	99.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	33,129	98.7%	34,000	97.4%
5	Dự kiến chi trả cổ tức	7% VĐL		7% VĐL	

- **Tốc độ tăng trưởng và kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu theo nhóm ngành:**
 - Doanh thu dịch vụ viễn thông: 181 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022 và đạt 105% kế hoạch;
 - Doanh thu thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 122 tỷ đồng, giảm 27% so với năm 2022 và đạt 79% kế hoạch;
 - Doanh thu dịch vụ Datacenter: 42 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022 và đạt 105% kế hoạch;
 - Doanh thu bất động sản: 17 tỷ đồng, tương đương năm 2022 và đạt 85% kế hoạch.
- **Cơ cấu doanh thu năm 2023:**
 - Dịch vụ Viễn thông: 49%.
 - Thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 33%.
 - Dịch vụ Datacenter: 11%.
 - Bất động sản: 5%.
 - Doanh thu và thu nhập khác: 2%.
- **Cơ cấu chi phí năm 2023:**
 - Chi phí giá vốn: 85%.
 - Chi phí bán hàng, quản lý: 13%.
 - Chi phí tài chính: 2%.
- **Kiểm soát chi phí năm 2023:** Tổng chi phí toàn Công ty giảm 6% so năm 2022. Trong đó, chi phí giá vốn giảm 7%, chi phí bán hàng và quản lý tăng 9% (chủ yếu do tăng chi phí tiền lương khi thành lập phòng R&D và chuyển nhân sự từ VNTTS về VNNT), chi phí tài chính giảm 27%. Chi phí tài chính giảm chủ yếu do chi phí lãi vay giảm 88% so với năm 2022, riêng chi phí trích lỗ VNTTS giảm 9% so năm 2022.

II. ĐẦU TƯ MUA SẮM XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2023

- Tổng giá trị đầu tư năm 2023 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) **đạt 16.3 tỷ đồng**, giảm 63% so với tổng đầu tư năm 2022. Trong đó:
 - Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp/khu dân cư:



10.3 tỷ, chiếm 63% tổng giá trị đầu tư trong năm.

- Đầu tư xây dựng/cải tạo văn phòng tại DC, Phòng giao dịch và Phòng máy tại các POP: 3.0 tỷ, chiếm 18%.
- Đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc, phương tiện: 2.3 tỷ, chiếm 14%.
- Đầu tư mua sắm khác: 0.8 tỷ, chiếm 5%.

III. DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2024

- Dự báo môi trường kinh doanh năm 2024:

Lĩnh vực	YẾU TỐ SẼ ẢNH HƯỞNG TỚI KINH DOANH CỦA VNTT	CƠ HỘI (+)/ THÁCH THỨC (-)
Chính trị	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhiều ưu đãi cho đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao; ▪ Nền chính trị ổn định, chính sách cởi mở, minh bạch. 	+ Có khách hàng hoặc nhà đầu tư chiến lược cho mảng Viễn thông/DC.
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quốc hội đặt mục tiêu GDP Việt Nam tăng trưởng 6%; ▪ Đầu tư công tiếp tục là bộ đỡ cho nền kinh tế; ▪ DN ngừng sản xuất do thiếu đơn hàng, thất nghiệp tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu khách hàng doanh nghiệp giảm. + Cơ hội khách hàng chuyển sang nhà cung cấp giá rẻ.
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Dân số trẻ, nhu cầu giải trí cao. ▪ Làm việc, học tập, mua sắm online là xu thế. 	<ul style="list-style-type: none"> + Thị trường ICT còn tăng trưởng. + Phát triển đa dịch vụ, chú trọng đến nội dung.
Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công nghệ thay đổi nhanh, công nghệ truy cập không dây 5G; ▪ Xu thế hội tụ truyền hình + FTTH + Camera. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm thay thế FTTH. + Khả năng đáp ứng đa dịch vụ của VNTT.
Pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Luật viễn thông mới: Dịch vụ OTT được đưa vào danh mục quản lý. ▪ Thuế tối thiểu toàn cầu (15%) có hiệu lực từ ngày 01/01/2024. 	<ul style="list-style-type: none"> + Có thể mời gọi nhà đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực mới. + Nhiều đối tác hoặc đối thủ mới xuất hiện.



Lĩnh vực	YẾU TỐ SẼ ẢNH HƯỞNG TỚI KINH DOANH CỦA VNTT	CƠ HỘI (+)/ THÁCH THỨC (-)
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cạnh tranh nhà cung cấp lớn, độc quyền (giảm giá); ▪ Tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải là cam kết của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Cơ hội lớn cho mảng công nghệ tiết kiệm năng lượng/thành phố thông minh. - Xu thế giảm giá, cạnh tranh khốc liệt.

- Khó khăn :

- GDP của Việt Nam giảm 3 năm liên tiếp, do đó nền kinh tế sẽ còn nhiều khó khăn. Lương tối thiểu tăng làm cho các doanh nghiệp ưu tiên tồn tại hơn là chuyên đổi số.
- Thuế tối thiểu toàn cầu (15%) có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 sẽ tác động tới việc thu hút FDI và thị trường BĐS công nghiệp.

- Thuận lợi:

- ICT, năng lượng, ngân hàng là 3 ngành được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong năm 2024.
- Các thành phần trong nền kinh tế sẽ cắt giảm chi phí & tối ưu hóa, xu hướng outsourcing sẽ phát triển mạnh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực cung cấp dịch vụ.
- Sự thắt chặt chi tiêu của cả các doanh nghiệp và hộ gia đình sẽ mang lại cơ hội lớn cho các nhà cung cấp có giá hợp lý, chính sách thanh toán linh hoạt.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Kế hoạch tài chính

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	RIÊNG VNTT		HỢP NHẤT	
		Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/ TH2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/ TH2023
1	Tổng doanh thu	359,000	97.9%	364,500	98.8%
a	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	355,000	98.1%	360,500	99.2%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	4,000	79.2%	4,000	73.1%
2	Tổng chi phí	311,550	95.9%	315,250	96.1%
a	Giá vốn hàng bán	263,500	95.2%	265,200	93.4%
b	Chi phí bán hàng	16,000	97.3%	16,500	102.0%



c	Chi phí quản lý	32,000	127.7%	33,500	121.0%
5	Chi phí tài chính	50	0.7%	50	18.9%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	0.0%	0	0.0%
	<i>Trích lỗ VNTTS</i>	0			
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47,450	113.5%	49,250	120.5%
4	Lợi nhuận khác	550	23.0%	550	23.0%
a	Thu nhập khác (Doanh thu khác)	1,000	27.9%	1,000	27.9%
b	Chi phí khác	450	37.7%	450	37.7%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	48,000	108.6%	49,800	115.1%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,000	112.8%	10,000	112.8%
7	Chi phí thế TNDN hoãn lại	0		800	62.7%
8	Lợi nhuận sau thuế	38,000	107.6%	39,000	117.7%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận

Đơn vị tính: Triệu VND; %

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2023		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI NĂM 2023 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI NĂM 2024 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		% KH 2024/ TH 2023
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		34,000		33,129		39,000	117.7%
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		491		491		35	7.1%
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	10%/ LNST	3,400	10%/ LNST	3,313	15%/ LNST	5,850	176.6%
4	Thù lao HĐQT - BKS + Thụ ký HĐQT		700		700		800	114.3%
5	Khen thưởng Ban điều hành		700		550	2%/ LNST	780	141.8%
6	Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi	10%/ LNST	3,400	10%/ LNST	3,313	10%/ LNST	3,900	117.7%
7	Vốn điều lệ		367,275		367,275		367,275	100.0%
8	Chia cổ tức	7%/ VĐL	25,709	7%/ VĐL	25,709	7%/ VĐL	25,709	100.0%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		582		35		1,996	5710.2%

3. Định hướng kinh doanh trong năm 2024

Về xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban lãnh đạo VNTT dự báo tình hình kinh doanh năm 2024 sẽ vẫn đối mặt với nhiều khó khăn tác động lên khả năng bán hàng, huy động vốn trên thị trường tài chính và tiến độ triển khai các dự án mới của doanh nghiệp.



Với nền tảng cốt lõi là công nghệ đa ngành (Viễn thông - Công nghệ thông tin - MEP), VNTT xác định năm 2024 sẽ là năm bản lề trong định hướng phát triển hệ sinh thái kiểu mới theo hướng đẩy mạnh phát triển lĩnh vực hạ tầng thông minh và chuyển đổi số nhằm tạo ra động lực tăng trưởng cho 3 năm tiếp theo (2025-2028), cụ thể như sau:

- Tiếp tục đàm phán với các nhà cung cấp viễn thông quốc tế để giảm giá mua băng thông đầu vào.
- Nghiên cứu triển khai 5G và các giải pháp cho thành phố/khu công nghiệp thông minh tại Bình Dương.
- Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu về các giải pháp thông minh của VNTT như: giải pháp khu công nghiệp thông minh, giải pháp tòa nhà thông minh, giải pháp bãi đỗ xe thông minh, giải pháp nhà máy thông minh.
- Tích hợp thêm các dịch vụ Add on trên nền FTTH để chặn đà giảm doanh thu trung bình của thuê bao cá nhân.
- Mở rộng dịch vụ Viễn thông ra những vùng ven của các khu vực đang cung cấp dịch vụ.
- Gia tăng doanh thu tối đa từ nhóm khách hàng hiện hữu thuộc hệ sinh thái Becamex bằng cách phối hợp bán chéo dịch vụ giữa các đơn vị thành viên. Song song đó, tiếp tục tăng cường tổ chức các sự kiện, tiếp thị trực tiếp kết hợp Digital marketing để tìm kiếm thêm khách hàng mới.
- Hợp tác kinh doanh với các Tập đoàn nước ngoài có thực lực trong việc cung cấp các giải pháp tiên tiến cho các công trình/dự án MEP.
- Trong vòng 5 năm tới sẽ ký được hợp đồng Quản lý, vận hành, bảo trì cho tất cả các công trình/dự án MEP thuộc hệ sinh thái BCM/VSIP nhằm thay thế cho mảng thi công đang dần bị thu hẹp.
- Gia tăng lợi nhuận thông qua việc cung cấp các giải pháp tích hợp Viễn thông – DC - Giải pháp thông minh - MEP có hàm lượng chất xám cao, mang lại nhiều giá trị và doanh thu.
- Mở rộng phân khúc khách hàng ra ngoài hệ sinh thái Becamex bằng cách tiếp cận các doanh nghiệp FDI và các tập đoàn lớn đã có sẵn mối quan hệ.

4. Quản trị hành chính và chính sách nhân sự 2024

- Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro trong quản trị và điều hành Công ty tại từng thời điểm theo thực tế và luật định.
- Triển khai áp dụng chính sách tiền lương mới (điều chỉnh cách tính lương, thưởng cho phòng Kinh doanh & Phát triển thị trường, chính sách thưởng đối với doanh thu



từ dịch vụ viễn thông, chính sách lương khoán áp dụng tại phòng Thi công và Vận hành). Việc thay đổi cơ cấu và áp dụng chính sách tiền lương mới nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động.

- Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao tinh thần làm việc, gắn kết người lao động như: du lịch, hội nghị người lao động, hội thao...
- Thực hiện chuyển đổi tiêu chuẩn ISO 27001:2013 sang ISO 27001:2022.
- Đề xuất triển khai áp dụng ISO 27001 và hệ thống Domain Controller đến tất cả các phòng ban/trung tâm để đảm bảo tính an toàn, bảo mật của thông tin trong Công ty (Hiện tại, ISO 27001 mới được áp dụng tại Phòng Vận hành mạng, Phòng Vận hành DC).

Trên đây là Báo cáo về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (“*HDQT*”) được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“*VNTT*”), *HDQT* Công ty *VNTT* xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“*DHĐCĐ*”) kết quả hoạt động của *HDQT* trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động của *HDQT* năm 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Về kết quả kinh doanh năm 2023

Theo số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty như sau:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023		% TH/ KH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	389.000	400.000	370.341	372.439	95,2%	93,1%
2	Tổng chi phí	345.000	356.500	326.142	329.167	94,5%	92,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.000	43.500	44.199	43.272	100,5%	99,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.000	34.000	35.331	33.129	100,9%	97,4%

2. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của thành viên *HDQT* Công ty *VNTT* (2022 – 2027) gồm có 05 thành viên:

- Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ Chủ tịch *HDQT*
- Ông Phạm Tuấn Anh Phó Chủ tịch *HDQT* kiêm TGD
- Ông Nguyễn Bá Thước Thành viên *HDQT*
- Ông Quảng Văn Việt Cường Thành viên *HDQT*
- Bà Võ Thị Thanh Hương Thành viên *HDQT*



Trong năm 2023, Công ty VNTT đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát (“BKS”) và Thư ký HĐQT theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 với tổng số tiền là 700.000.000 đồng.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán, tại Mục VIII.2a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Số lượng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 18/04/2023)	5/11	45,45%
2	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch (Bổ nhiệm là Thành viên HĐQT từ ngày 18/04/2023)	6/11	54,54%
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	11/11	100%
4	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	11/11	100%
5	Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	11/11	100%
6	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên	10/11	90,91%

4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong năm 2023

Công ty đã triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, hoàn tất việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp để thông qua các nghị quyết nhằm tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, triển khai thực hiện các nội dung đã



được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	10/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022. - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. - Kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023. - Thông qua Quy chế hoạt động Người đại diện vốn của Công ty. 	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	20/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. 	100%
3	03/2023/NQ-HĐQT	27/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. 	100%
4	04/2023/NQ-HĐQT	10/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận Đơn từ nhiệm của ông Giang Quốc Dũng – Chủ tịch HĐQT và Đơn từ nhiệm của ông Lê Đức Thịnh – Thành viên Ban Kiểm soát. - Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của ông Giang Quốc Dũng kể từ ngày 12/4/2023. - Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Bầu ông Quảng Văn Việt Cường – Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. 	100%
5	05/2023/NQ-HĐQT	11/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và đầu tư vào các dự án của Công ty. 	100%
6	06/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu ông Dương Ngọc Hoàng Vũ làm Chủ tịch HĐQT. 	100%



008
ON
OF
NG
JYE
IET
MO

7	07/2023/NQ-HĐQT	13/06/2023	- Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông bằng tiền.	100%
8	08/2023/NQ-HĐQT	05/07/2023	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2023.	100%
9	09/2023/NQ-HĐQT	07/07/2023	- Ban hành Quy chế quản lý tài chính mới. - Ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng Phần mềm Becawork. - Thông qua chủ trương Thành lập Phòng Nghiên cứu và phát triển, hợp nhất, sáp nhập các phòng, trung tâm chuyên môn theo sơ đồ tổ chức của Công ty, phương án sắp xếp nhân sự theo Tờ trình của Tổng Giám đốc.	100%
10	10/2023/NQ-HĐQT	21/07/2023	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm; - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động Công ty TNHH Giải pháp VNTT; - Thông qua việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng BCC.	100%
11	11/2023/NQ-HĐQT	05/10/2023	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh quý 4/2023 của Công ty.	100%

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị đã được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các nghị quyết được thảo luận và thông qua tại các cuộc họp HĐQT thuộc quyền và nghĩa vụ của HĐQT.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty được thực hiện đúng theo các quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc HĐQT định kỳ, bất thường, quản lý và theo dõi qua phần mềm Becawork.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy năm 2023, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy



314
3 T
HAI
NGI
1 TH
NAI
-T-

đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Với những kết quả đã đạt được, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong năm 2023 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 đề ra.

6. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

HĐQT đã thực hiện báo cáo các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 đã được công bố thông tin và đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/cong-bo-thong-tin/>

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty VNTT thống nhất các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024		% KH 2024/ TH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	370.341	372.439	360.000	365.500	97,2%	98,1%
2	Tổng chi phí	326.142	329.167	312.000	315.700	95,7%	95,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.199	43.272	48.000	49.800	108,6%	115,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.331	33.129	38.000	39.000	107,6%	117,7%

2. Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2024

Hội đồng quản trị thống nhất định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2024 như sau:

- Đẩy mạnh việc đầu tư, nghiên cứu phát triển các nền tảng ứng dụng về chuyển đổi số, các nền tảng phục vụ cho việc ứng dụng vào điều hành Thành phố thông minh, sản xuất thông minh.
- Tập trung số hóa mạng lưới hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng viễn thông, các dịch vụ chuyển đổi số.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đối tác, đặc biệt là các đối tác trong lĩnh vực viễn thông - CNTT, đối tác quốc tế để nâng cao chất lượng dịch vụ, uy tín và giá trị thương hiệu VNTT nói riêng cũng như giá trị Becamex nói chung.



- Mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ viễn thông ra khỏi hệ thống các khu công nghiệp của Becamex và VSIP hiện nay.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐƯƠNG NGỌC HOÀNG VŨ



Bình Dương, ngày 26 tháng 05 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT) hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT),

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội về tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT) nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 3 thành viên:

+ Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng ban;

+ Ông Nguyễn Hải Hoàng – Thành viên;

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thành viên.

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức triển khai công việc theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và thực hiện kiểm tra, giám sát như sau:

+ Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động và việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

+ Theo dõi, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

+ Kiểm tra tính hợp pháp, đúng quy định pháp luật trong công tác kế toán, lập báo cáo tài chính và trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung sau:

+ Báo cáo đánh giá tình hình tài chính Công ty năm 2022, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

+ Đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty VNTT và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2023.

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Thị Thùy Dương	2/2	100%	100%
2	Nguyễn Hải Hoàng	2/2	100%	100%
3	Lê Đức Thịnh (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)	1/2	50%	100%
4	Nguyễn Thị Thanh Trà (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	1/2	50%	100%

- Thù lao năm 2022 của Ban kiểm soát được thanh toán trong năm 2023 là 120.000.000 đồng.

II. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	Ngày miễn nhiệm 12/04/2023
2	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm 18/04/2023
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
4	Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	
6	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp HĐQT và ban hành 11 Nghị quyết đúng với chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, thông qua các nội dung chính sau:

+ Về công tác triển khai ĐHĐCĐ thường niên năm 2023: Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; Tiếp nhận Đơn từ nhiệm của Ông Giang Quốc Dũng- Chủ tịch HĐQT và Đơn từ nhiệm của Ông Lê Đức Thịnh- Thành viên BKS và các nội dung liên quan; chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông bằng tiền,...

+ Về công tác tài chính: Thông qua chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bình Dương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và đầu tư vào các dự án của Công ty;

+ Thông qua các nội dung về việc ban hành các quy chế nội bộ Công ty và thành lập, sát nhập các Phòng, Trung tâm chuyên môn theo sơ đồ tổ chức của Công ty;

+ Thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch 06 tháng cuối năm 2023.
- Kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh Quý 4/2023.
- Các nội dung khác liên quan.

* **Đánh giá:** Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng Quy chế hoạt động, nghiêm túc triển khai các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, theo sát công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các định hướng, chủ trương kịp thời. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành theo đúng thẩm quyền và quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện tốt và đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo đúng quy định đối với công ty đại chúng.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đã thực hiện đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban Công ty đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin tài liệu, hồ sơ khi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2023 của VNTT:

a. Về kết quả kinh doanh:

* Số liệu BCTC công ty mẹ kiểm toán:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ TH2023/ KH2023	Tăng trưởng so với năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	387,6	389	370,3	95,2%	-4,5%
Tổng chi phí	346,4	345	326,1	94,5%	-5,9%
Lợi nhuận trước thuế	41,3	44	44,2	100,5%	+7,0%
Lợi nhuận sau thuế	33,0	35	35,3	100,9%	+7,0%

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2023 của VNTT

- Với các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của Chính phủ trong năm 2023 như tiếp tục giảm thuế VAT, giữ mặt bằng lãi suất thấp, ổn định thị trường trái phiếu... đã dần khôi phục nhu cầu đầu tư và tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đối mặt nhiều khó khăn. Đối với VNTT, các hoạt động kinh doanh cốt lõi trong năm 2023 gồm dịch vụ viễn thông, Data center, ICT và cơ điện vẫn giữ được sự ổn định. Cụ thể, doanh thu dịch vụ viễn thông năm 2023 tăng trưởng 10% so với cùng kỳ đạt 180,6 tỷ đồng, đóng góp 50% vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Mảng dịch vụ data center và ICT ghi nhận doanh thu năm 2023 tương đương cùng kỳ lần lượt là 41,5 tỷ đồng và 47,1 tỷ đồng. Trong khi đó, do khối lượng của các dự án mới hạn chế từ khó khăn kinh tế chung nên doanh thu hoạt động cơ điện năm 2023 đạt 75,3 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ.

- Về hiệu quả kinh doanh, dịch vụ viễn thông tiếp tục cho thấy sự cải thiện về hiệu quả và là động lực tăng trưởng hiện tại của VNTT với đóng góp gần 82% trong tổng lợi nhuận gộp kinh doanh năm 2023. Trong năm, công ty ghi nhận chi phí tài chính 6,7 tỷ đồng chủ yếu từ trích lập dự phòng khoản đầu tư tại công ty con VNTTs. Chi phí lãi vay phát sinh không đáng kể. Các chi phí quản lý và bán hàng được kiểm soát trong kế hoạch.

Với kết quả hoạt động như trên, Tổng doanh thu công ty mẹ VNTT năm 2023 đạt 370,3 tỷ đồng (hoàn thành 95,2% kế hoạch) và lợi nhuận sau thuế đạt 35,3 tỷ đồng (hoàn thành 100,9% kế hoạch).

**Số liệu BCTC hợp nhất kiểm toán:*

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ TH2023/KH2023	Tăng trưởng so với năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	392,4	400	372,4	93,1%	-5,1%
Tổng chi phí	349,0	356,5	329,2	92,3%	-5,7%
Lợi nhuận trước thuế	43,3	43,5	43,3	99,5%	0%
Lợi nhuận sau thuế	33,6	34	33,1	97,4%	-1,5%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 của VNTT

- Đến cuối năm 2023, VNTT đang sở hữu một công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT (VNTTs) có vốn điều lệ là 25 tỷ đồng. Công ty VNTTs được thành lập nhằm mở rộng mảng kinh doanh mới của VNTT. Do đang trong giai đoạn đầu hoạt động nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Trong năm 2023, VNTT đã trích dự phòng đầu tư tại VNTTs là 6,5 tỷ đồng. Hiện Công ty con đang thực hiện tại cấu trúc để cải thiện kết quả hoạt động. KQKD hợp nhất phản ánh chủ yếu hoạt động kinh tế tại công ty mẹ VNTT. Cụ thể, năm 2023, Tổng doanh thu hợp nhất đạt 372,4 tỷ đồng (hoàn thành 93,1% kế hoạch) và LNST hợp nhất đạt 33,1 tỷ đồng (hoàn thành 97,4% kế hoạch).

b. Về tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu công ty mẹ VNTT	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
1	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	63	69
1.2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	37	31
1.3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	Lần	0,19	0,18
1.4	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,16	0,16
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	4,7	4,9

STT	Chỉ tiêu công ty mẹ VNTT	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
2.2	Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,0	3,8
3	Hệ số khả năng sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	7,5	7,9
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,3	6,7

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2023 của VNTT

- Theo BCTC kiểm toán công ty mẹ VNTT, Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 là 530,6 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,5% so với thời điểm 1/1/2023. Trong đó, cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt là 69% và 31% (so với thời điểm đầu năm lần lượt là 63% và 37%) nhờ kiểm soát tốt tiến độ thực hiện hợp đồng, nghiệm thu và thanh toán với khách hàng.

- Nhờ đó, các chỉ tiêu về thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh tại cuối năm 2023 cũng cải thiện lần lượt đạt 4,9 lần và 3,8 lần (so với đầu năm là 4,7 lần và 2,9 lần).

- Đến cuối năm 2023, sức khỏe tài chính VNTT tương đối lành mạnh. Công ty không còn nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2023. Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cuối năm 2023 đạt gần 128 tỷ đồng tương đương gần 24% tổng tài sản và gấp 1,5 lần nợ phải trả.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và Tổng tài sản (ROA) năm 2023 có cải thiện nhưng vẫn còn thấp đạt lần lượt 7,9% và 6,7% (so với năm 2022 là 7,5% và 6,3%).

5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được lập theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Ban kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Các báo cáo trên đã phản ánh trung thực về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty trong năm 2023.

III. Kết luận và khuyến nghị:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đạt mức tổng doanh thu công ty mẹ là 370,3 tỷ đồng, bằng 95,2% so với kế hoạch và giảm 4,5% so với thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên, Lợi nhuận sau thuế lại đạt 44,2 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm và tăng 7% so với năm 2022 do kiểm soát tốt chi phí. Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán và tỷ suất lợi nhuận ROE, ROA của Công ty đều có cải thiện. Ngoài ra, tiếp tục củng cố chất lượng và uy tín, trong

năm Công ty cũng đã đạt được một số giải thưởng đáng khích lệ như Top 10 Công ty Công nghệ Việt Nam uy tín năm 2023 (5 năm liên tiếp), đạt chứng nhận 5 sao giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2023 lĩnh vực Giải pháp Quản lý, điều hành đô thị thông minh đối với Nền tảng Beca Smart City.

Bên cạnh đó, qua phối hợp kiểm tra các quy trình hoạt động, nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động và tăng hiệu quả kinh doanh, Ban kiểm soát cũng khuyến nghị Công ty cải thiện một số khâu luân chuyển chứng từ, thiết lập khung thời gian và biện pháp để cải thiện tiến độ nghiệm thu quyết toán các công trình mạng cơ điện, tiếp tục công tác rà soát và bổ sung/điều chỉnh các quy trình để phù hợp thực tiễn, đảm bảo tính thống nhất của các văn bản và hiệu quả kiểm soát rủi ro.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt..

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thùy Dương

Số: 01/2024/TTr-HĐQT

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán,
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/4/2023;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo sau:

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023.
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023.

(Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu Đại hội)

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM
DUƠNG NGỌC HOÀNG VŨ



Số: 02/2024/TTr-HĐQT

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2023
và kế hoạch kinh doanh năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/4/2023,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 với nội dung chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2023

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023		% TH/ KH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	389.000	400.000	370.341	372.439	95,2%	93,1%
2	Tổng chi phí	345.000	356.500	326.142	329.167	94,5%	92,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.000	43.500	44.199	43.272	100,5%	99,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.000	34.000	35.331	33.129	100,9%	97,4%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024		% KH 2024/ TH 2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	370.341	372.439	360.000	365.500	97,2%	98,1%



2	Tổng chi phí	326.142	329.167	312.000	315.700	95,7%	95,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.199	43.272	48.000	49.800	108,6%	115,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.331	33.129	38.000	39.000	107,6%	117,7%

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



DƯƠNG NGỌC HOÀNG VŨ



Số: 03/2024/TTr-HĐQT

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023 và
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/4/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ngày 18/04/2023;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2024,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2023

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023 (hợp nhất)	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		34.000		33.129
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		491		491
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		700		700
5	Khen thưởng Ban điều hành		700		550
6	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.400	10%/LNST	3.313
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		582		35



2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		39.000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		35
3	Quỹ đầu tư phát triển	15%/LNST	5.850
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		800
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	780
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	3.900
7	Chia cổ tức	7%/VĐL	25.709
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1.996

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

DUƠNG NGỌC HOÀNG VŨ



Số: 04/2024/TT- HĐQT

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,
Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ngày 18/04/2023;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2024,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 như sau:

1. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2023

Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023 là 700.000.000 đồng. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2024

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2024, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024 là 800.000.000 đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị.

Trân trọng kính trình.



DUONG NGOC HOANG VU



Số: 01/2024/TTr-BKS

Bình Dương, ngày 26 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2024.

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/4/2023;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ngày 18/4/2023,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2024 với những nội dung chính như sau:

***Tiêu chí lựa chọn:**

- Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Có kinh nghiệm kiểm toán lâu năm đối với các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Được xếp hạng các công ty kiểm toán tốt có uy tín về chất lượng kiểm toán ở Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán có kỹ năng và giàu kinh nghiệm;
- Đáp ứng được các yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán của Công ty;
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

***Danh sách các công ty kiểm toán độc lập đề xuất lựa chọn:**

Căn cứ các tiêu chí trên và để đảm bảo về chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty trong năm 2024 và giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
5. Công ty TNHH PwC Việt Nam;
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Giao Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán trên.

Trân trọng kính trình.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201
- Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa);
- Mua bán các sản phẩm phần mềm;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Dịch vụ viễn thông;
- Hoạt động viễn thông không dây;

- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công nghệ thông tin;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.

08
NI
P
G
ÉT
T
01
004
CÔ
CH NH
H TOÁN
A
VH - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2009
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Tuấn Anh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2024



Số: 1.0585/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Phước Tiên
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Hoàng Yên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.959.691.711	347.425.730.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.079.343.877	81.342.264.317
1. Tiền	111		18.079.343.877	20.842.264.317
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	60.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000.000	10.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	80.000.000.000	10.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.878.613.700	129.151.604.462
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	136.366.451.700	111.243.159.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.510.444.822	5.807.599.133
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.284.984.624	16.001.464.870
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.283.267.446)	(3.900.619.219)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	83.624.398.258	123.835.493.958
1. Hàng tồn kho	141		83.624.398.258	123.835.493.958
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.377.335.876	2.596.367.380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.846.097.306	2.079.190.441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	531.238.570	517.176.939
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.894.702.207	180.995.648.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.752.979	184.684.754
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	144.752.979	184.684.754
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		125.329.364.653	131.254.047.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114.407.107.446	119.786.441.120
- Nguyên giá	222		337.124.132.098	319.607.431.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.717.024.652)	(199.820.990.773)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.922.257.207	11.467.605.916
- Nguyên giá	228		22.734.290.256	21.477.719.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.812.033.049)	(10.010.113.603)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.137.274.580	39.148.146.057
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.137.274.580	39.148.146.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.283.309.995	10.408.770.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.283.309.995	10.408.770.177
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.854.393.918	528.421.378.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.002.139.926	87.904.871.323
I. Nợ ngắn hạn	310		74.321.523.051	72.956.539.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	16.701.895.256	17.231.042.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.393.551.499	4.828.145.109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10.369.433.840	6.604.684.759
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8.884.142.495	8.601.367.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.678.265.128	6.558.143.814
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	9.847.451.207	11.386.213.460
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	11.989.365.125	10.696.069.897
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	-	3.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	2.189.455.267	2.243.920.197
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.267.963.234	1.806.951.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.680.616.875	14.948.331.885
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	1.202.184.800	639.160.977
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	6.655.857.021	6.140.769.782
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	-	6.676.271.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	2.376.241.973	1.101.214.991
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	446.333.081	390.914.635
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương


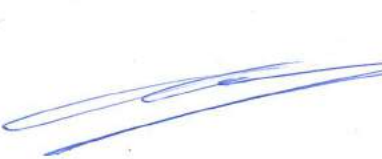
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		443.852.253.992	440.516.506.818
I. Vốn chủ sở hữu	410		443.852.253.992	440.516.506.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	42.900.159.222	39.544.795.990
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.24	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	33.620.409.710	33.640.025.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		491.121.950	33.640.025.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.129.287.760	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		528.854.393.918	528.421.378.141

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024


Vi Ngọc Đại
Người lập
Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	363.381.559.388	387.948.150.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	363.381.559.388	387.948.150.051
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	283.834.468.304	305.774.192.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.547.091.084	82.173.957.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.471.892.706	1.824.555.756
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	264.434.136	2.078.533.920
Trong đó: chi phí lãi vay	23		238.983.754	2.068.478.726
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.180.931.990	15.116.341.628
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.692.590.283	26.049.651.991
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.881.027.381	40.753.985.645
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.585.808.376	2.578.690.531
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.194.765.180	9.494.150
14. Lợi nhuận khác	40		2.391.043.196	2.569.196.381
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.272.070.577	43.323.182.026
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	8.867.755.834	8.258.314.542
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.275.026.983	1.511.235.163
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.129.287.760</u>	<u>33.553.632.321</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33.129.287.760	33.553.632.321
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>774</u>	<u>854</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>774</u>	<u>854</u>

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024


Vi Ngọc Đại
Người lập


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng




Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.272.070.577	43.323.182.026
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	35.805.170.052	38.337.774.574
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.21	383.601.743	603.611.754
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	8.568.490	(17.015.951)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(5.549.797.898)	(1.757.715.741)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	238.983.754	2.068.478.726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.158.596.718	82.558.315.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.674.521.775)	(22.284.687.861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.211.095.700	48.644.467.834
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.430.042.378	(19.691.912.650)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		230.365.237	21.497.765
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(251.576.163)	(2.511.105.183)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.158.231.312)	(7.755.792.302)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, V.22, V.24	(3.423.279.165)	(2.673.933.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		83.522.491.618	76.306.849.451
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, VII	(15.502.141.505)	(48.243.073.572)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	3.239.094.577	86.574.074
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(131.000.000.000)	(21.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	61.500.000.000	10.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	4.833.313.010	1.099.037.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.929.733.918)	(57.557.461.524)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	122.042.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	-	28.755.687.215
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(9.676.271.500)	(96.380.683.094)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19;V.24	(25.170.838.150)	(22.244.659.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(34.847.109.650)</i>	<i>32.172.745.121</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.254.351.950)	50.922.133.048
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.568.490)	17.015.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>53.079.343.877</u>	<u>81.342.264.317</u>

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 293 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất; vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.006.640.793	649.748.644
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.072.703.084	20.192.515.673
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	35.000.000.000	60.500.000.000
Cộng	<u>53.079.343.877</u>	<u>81.342.264.317</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>116.199.398.175</u>	<u>89.441.092.044</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	28.320.682.963	31.587.644.319
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	12.412.304.805	11.172.760.650
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	16.977.365.868	8.299.201.780
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	12.714.137.169	9.402.385.689
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	20.982.584.810	20.698.422.819
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	16.796.476.785	2.957.445.659
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.570.476.043	1.559.445.543
Công ty TNHH Becamex Tokyu	337.064.521	582.838.283
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	1.458.791.982	45.112.178
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	560.833.640	733.455.832
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	3.755.400	4.745.400
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	70.899.495	452.976.897
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	1.650.000	1.650.000
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.337.115.328
Công ty Cổ phần Dược Enlie	-	1.650.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	3.490.724.694	6.666.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP	424.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	76.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	<u>20.167.053.525</u>	<u>22.399.642.634</u>
Cộng	<u>136.366.451.700</u>	<u>111.243.159.678</u>

4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	-	2.596.723.593
Công ty Điện lực Bình Dương	1.107.357.290	287.749.174
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	-	899.901.038
Công ty TNHH MTV Xây dựng La Giang	-	527.272.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng Đông Tây	592.734.000	-
Công ty TNHH Hạ tầng Truyền Thông Số	430.264.676	-
Công ty Cổ phần Phần mềm Viễn thông Miền Nam	411.840.000	-
Các nhà cung cấp khác	968.248.856	1.495.952.912
Cộng	3.510.444.822	5.807.599.133

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	453.878.200	-	453.878.200	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	16.831.106.424	(2.309.450.910)	15.547.586.670	(2.309.450.910)
Tạm ứng	14.207.357.373	(2.309.450.910)	13.952.737.442	(2.309.450.910)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	211.371.528	-	189.723.635	-
Lãi dự thu	1.191.761.645	-	604.663.247	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.220.615.878	-	800.462.346	-
Cộng	17.284.984.624	(2.309.450.910)	16.001.464.870	(2.309.450.910)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	70.480.328	-	89.105.328	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	27.105.328	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	-	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	74.272.651	-	95.579.426	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	74.272.651	-	95.579.426	-
Cộng	144.752.979	-	184.684.754	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	6.497.707	4.548.395	978.000	684.600
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	96.507.704	48.253.852	20.502.696	10.251.348
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	145.682.789	43.704.837	43.327.364	12.998.209
<i>Trên 12 tháng</i>	684.878.158	-	710.918.335	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	249.226.800	174.158.760	27.853.675	19.497.573
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	512.164.723	256.082.362	19.079.439	9.539.720
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	18.772.747	5.631.824	60.853.058	18.255.917
<i>Trên 03 năm</i>	520.530.012	-	505.283.182	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.763.329.110	453.878.200	2.309.450.910	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-	-	273.599.927	-
<i>Trên 03 năm</i>	272.235.926	-	-	-
Cộng	5.269.825.676	986.258.230	3.971.846.586	71.227.367

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.900.619.219	4.196.002.415
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	382.648.227	(295.383.196)
Số cuối năm	4.283.267.446	3.900.619.219

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.404.997.366	-	25.688.230.462	-
Công cụ, dụng cụ	342.802.822	-	347.317.118	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.169.180.871	-	54.157.803.919	-
Hàng hóa bất động sản	33.338.371.477	-	43.625.176.589	-
Hàng hóa	369.045.722	-	16.965.870	-
Cộng	83.624.398.258	-	123.835.493.958	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	428.730.371	687.490.023
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.417.366.935	1.391.700.418
Cộng	1.846.097.306	2.079.190.441

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	981.214.454	1.806.567.743
Chi phí thuê đất	6.632.109.086	6.832.142.702
Vật tư, thiết bị khảo sát	16.460.219	42.312.180
Chi phí xây dựng, sửa chữa	77.851.646	371.593.200
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.575.674.590	1.356.154.352
Cộng	10.283.309.995	10.408.770.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.036.741.509	225.183.201.992	73.792.401.034	1.577.218.554	1.017.868.804	319.607.431.893
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	86.446.868	16.376.410.646	14.722.820.764	-	419.758.662	31.605.436.940
Tăng khác	79.688.080	-	48.500.000	-	-	128.188.080
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.590.000.000)	(2.121.559.083)	-	-	(3.711.559.083)
Giảm do hư hỏng	-	(10.505.365.732)	-	-	-	(10.505.365.732)
Số cuối năm	18.202.876.457	229.464.246.906	86.442.162.715	1.577.218.554	1.437.627.466	337.124.132.098
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.502.299.208	53.922.307.701	15.723.497.256	708.443.617	701.627.000	72.558.174.782
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.698.573.911	149.330.353.640	40.806.389.725	1.214.475.970	771.197.527	199.820.990.773
Khấu hao trong năm	1.060.358.875	23.255.921.275	9.380.431.508	158.018.940	148.520.009	34.003.250.607
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.459.394.516)	(1.713.151.683)	-	-	(3.172.546.199)
Giảm do hư hỏng	-	(7.934.670.529)	-	-	-	(7.934.670.529)
Số cuối năm	8.758.932.786	163.192.209.870	48.473.669.550	1.372.494.910	919.717.536	222.717.024.652
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.338.167.598	75.852.848.352	32.986.011.309	362.742.584	246.671.277	119.786.441.120
Số cuối năm	9.443.943.671	66.272.037.036	37.968.493.165	204.723.644	517.909.930	114.407.107.446
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.889.485.692	17.588.233.827	21.477.719.519
Mua trong năm	-	593.275.115	593.275.115
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	663.295.622	663.295.622
Số cuối năm	3.889.485.692	18.844.804.564	22.734.290.256
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10.010.113.603	10.010.113.603
Khấu hao trong năm	-	1.801.919.445	1.801.919.445
Số cuối năm	-	11.812.033.049	11.812.033.049
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.889.485.692	7.578.120.224	11.467.605.916
Số cuối năm	3.889.485.692	7.032.771.515	10.922.257.207
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.138.800.000	2.440.603.636	(2.440.603.636)	-	3.138.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	36.009.346.057	14.446.069.540	(29.828.128.926)	(2.628.812.091)	17.998.474.580
- Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3	34.610.317	1.500.169.017	(34.610.317)	-	1.500.169.017
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K,J,L,I,H,G Mỹ Phước 3	2.620.180.439	318.381.254	(2.351.066.309)	(141.937.619)	445.557.765
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4	2.544.110.201	1.049.753.476	-	-	3.593.863.677
- Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng	36.152.929	257.187.778	(80.823.898)	(779.614)	211.737.195
- Hạng mục xây dựng phòng giao dịch Nghệ An	669.355.949	240.012.454	(662.824.383)	(66.148.760)	180.395.260
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng viễn thông khu công nghiệp kết nối các khu dân cư	-	-	-	-	-
- Hạng mục đầu tư hệ thống nguồn UPS, hệ thống đường ống lạnh, ngăn phòng VIP khu vực DC	-	-	-	-	-
- Hạng mục cải tạo hệ thống điện DC VNNT	16.121.295.746	106.200.000	(15.294.864.746)	(932.631.000)	-
- Hạng mục cải tạo và bổ sung hạ tầng viễn thông Mỹ Phước 1	147.760.224	199.025.836	-	-	346.786.060
- Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bầu Bàng	982.927.592	2.778.865.668	(1.456.759.592)	(22.968.000)	2.282.065.668
- Hạng mục đầu tư thiết bị Data Center VNNT	-	1.250.258.782	-	(4.497.877)	1.245.760.905
- Các công trình khác	12.852.952.660	6.746.215.275	(9.947.179.681)	(1.459.849.221)	8.192.139.033
Cộng	39.148.146.057	16.886.673.176	(32.268.732.562)	(2.628.812.091)	21.137.274.580

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi/lỗ các giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	410.020.172
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	335.064.472	(94.328.232)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(335.064.472)	(315.691.940)
Số cuối năm	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế của Công ty TNHH Giải pháp VNTT. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau :

Năm 2021	810.826.006
Năm 2022	5.179.306.263
Năm 2023	6.471.997.572
Cộng	12.462.129.841

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	858.828.440	1.002.557.670
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	426.187.848	393.379.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	194.350.006
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	217.020.005	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	26.872.953	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	107.729.669	243.001.388
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	24.026.372	25.613.177
Công ty TNHH Becamex Tokyu	19.762.203	12.403.561
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	-	8.174.350
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	4.110.227	9.035.688
Công ty TNHH MTV Aspire	33.108.768	116.600.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.843.077.211	16.228.485.007
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.474.000	2.618.100.766
Công ty Cổ phần Truyền thông Số 1	1.103.080.000	2.272.772.480
Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu Điện	4.092.702.278	-
Các nhà cung cấp khác	10.645.820.933	11.337.611.761
Cộng	16.701.895.256	17.231.042.677

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	242.625.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	72.625.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	170.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	3.393.551.499	4.585.520.109
Văn phòng Điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương	1.840.167.158	2.264.439.676
Trường Tiểu học - THCS & THPT Ngô Thời Nhiệm	70.000.000	-
Các khách hàng khác	1.483.384.341	2.321.080.433
Cộng	3.393.551.499	4.828.145.109

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.517.454.775	517.176.939	16.461.968.545	(14.460.413.994)	5.533.070.957	531.238.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.787.692.682	-	8.867.755.834	(7.158.231.312)	4.567.836.412	-
Thuế thu nhập cá nhân	299.537.302	-	2.790.989.906	(2.751.381.529)	339.145.679	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.604.684.759	517.176.939	28.131.714.285	(24.381.026.835)	10.369.433.840	531.238.570

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học	Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác	
- Từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023	10%
- Từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023	08% hoặc 10%

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 thuế giá trị gia tăng áp dụng theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ có một số loại hàng hóa, dịch vụ áp dụng thuế suất 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Giải pháp VNNTT phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tại các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	8.867.755.834	8.258.314.542
Công ty TNHH Giải pháp VNNTT	-	-
Cộng	8.867.755.834	8.258.314.542

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	3.364.120.730	1.346.681.723
Chi phí lãi vay	-	12.592.409
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	4.843.414.738	4.367.476.682
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	470.729.660	831.393.000
Cộng	<u>8.678.265.128</u>	<u>6.558.143.814</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>700.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Thường ban điều hành	700.000.000	500.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.289.365.125</i>	<i>10.196.069.897</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	650.603.537	371.108.500
Cổ tức phải trả	8.299.535.150	7.761.123.300
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	1.903.684.699	1.710.688.642
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	435.541.739	353.149.455
Cộng	<u>11.989.365.125</u>	<u>10.696.069.897</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.19b).

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.000.000.000	67.624.995.879
Số tiền vay phát sinh	-	28.755.687.215
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	3.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(3.000.000.000)	(96.380.683.094)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>3.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	3.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	6.676.271.500
Cộng	-	9.676.271.500

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.676.271.500	9.676.271.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(3.000.000.000)
Số tiền vay đã trả	(6.676.271.500)	-
Số cuối năm	-	6.676.271.500

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả

21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.243.920.197	1.498.615.598
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) bảo hành công trình	(22.279.235)	552.656.949
Số sử dụng	(129.062.549)	-
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	96.876.854	192.647.650
Số cuối năm	2.189.455.267	2.243.920.197

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	390.914.635	237.224.284
Tăng do trích lập	152.295.300	346.338.001
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(96.876.854)	(192.647.650)
Số cuối năm	446.333.081	390.914.635

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.806.951.813	1.482.803.623
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.684.290.586	1.798.041.730
Chi quỹ	(2.223.279.165)	(1.473.893.540)
Số cuối năm	2.267.963.234	1.806.951.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.101.214.991	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.610.091.455	1.416.906.931
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(335.064.472)	(315.691.940)
Số cuối năm	2.376.241.973	1.101.214.991

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/2023/NQ-DHDCD ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 25.709.250.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 3.355.363.232
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.684.290.586
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	700.000.000
• Thương ban điều hành	: 700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	55.440.000	174.900.000
Trên 01 năm đến 05 năm	55.440.000	-
Cộng	<u>110.880.000</u>	<u>174.900.000</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 4.620.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 172.523,77 USD và 84,2 EUR (số đầu năm là 24.857,60 USD và 11.483,04 EUR).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	25.220.183.353	25.454.001.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	228.674.633.118	208.104.728.685
Doanh thu hợp đồng xây dựng	92.433.485.316	137.375.410.757
Doanh thu bất động sản	17.053.257.601	17.014.008.966
Cộng	<u>363.381.559.388</u>	<u>387.948.150.051</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	14.872.482.800	12.565.292.709
Cung cấp dịch vụ	5.434.301.733	5.889.069.445
Xây dựng công trình	18.331.741.437	42.466.170.561
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thiết bị	101.780.000	2.177.490.000
Cung cấp dịch vụ	68.800.000	53.250.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	624.209.800	155.000.000
Xây dựng công trình	2.920.862.600	84.859.803
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Bán thiết bị	863.636	2.400.000
Cung cấp dịch vụ	22.214.000	21.424.557
Xây dựng công trình	-	310.569.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	82.781.364	-
Cung cấp dịch vụ	543.083.439	570.741.300
Xây dựng công trình	18.941.124.091	550.282.064
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	316.375.000	106.410.000
Xây dựng công trình	128.500.000	82.751.126
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	704.023.000	-
Cung cấp dịch vụ	531.488.678	1.242.064.000
Xây dựng công trình	177.161.000	466.789.793
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hoá	38.963.636	-
Cung cấp dịch vụ	82.987.455	5.740.000
Xây dựng công trình	1.315.000.000	401.916.154
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	75.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hoá	524.722.636	966.575.000
Cung cấp dịch vụ	237.600.000	162.965.020
Xây dựng công trình	313.398.000	620.145.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cung cấp dịch vụ	119.028.000	438.423.389
Xây dựng công trình	59.710.000	43.500.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Xây dựng công trình	19.333.397.120	12.215.021.700
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán hàng hoá	265.837.000	47.150.000
Cung cấp dịch vụ	150.000.000	129.410.894
Xây dựng công trình	8.680.715.636	6.519.526.296
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Bán hàng hoá	200.605.067	106.150.000
Cung cấp dịch vụ	292.105.614	756.864.301
Xây dựng công trình	18.449.927.632	3.354.041.962
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	2.400.000	7.190.000
Bán thiết bị	252.389.999	208.856.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.048.844.751	24.879.278.430
Giá vốn cung cấp dịch vụ	155.635.677.692	146.807.661.996
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	91.863.140.749	123.972.219.661
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	10.286.805.112	10.115.032.536
Cộng	<u>283.834.468.304</u>	<u>305.774.192.623</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.420.411.408	1.690.274.088
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.165.600	76.691.948
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.113.547	40.573.769
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	202.151	17.015.951
Cộng	<u>5.471.892.706</u>	<u>1.824.555.756</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	238.983.754	2.068.478.726
Chiết khấu thanh toán cho người mua	14.400.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.216.447	7.766.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.770.641	-
Chi phí tài chính khác	63.294	2.289.130
Cộng	<u>264.434.136</u>	<u>2.078.533.920</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.191.102.593	11.702.082.569
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	54.291.201	40.464.866
Chi phí khấu hao	234.806.001	27.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.129.761	144.841.773
Chi phí khác	2.563.602.434	3.201.952.420
Cộng	<u>16.180.931.990</u>	<u>15.116.341.628</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.029.497.753	13.591.659.241
Chi phí vật liệu quản lý	629.579.284	652.045.357
Chi phí đồ dùng văn phòng	480.929.005	417.671.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.154.161.467	1.497.374.095
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	309.008.787	(295.383.196)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.306.571.547	6.139.123.407
Chi phí khác	3.782.842.440	4.047.161.646
Cộng	<u>27.692.590.283</u>	<u>26.049.651.991</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	928.324.210	67.441.653
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.152.665.450	1.498.615.598
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	137.523.840	-
Thu nhập khác	367.294.869	1.012.633.280
Cộng	3.585.808.376	2.578.690.531

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thiệt hại tài sản do thiên tai	798.937.720	-
Phạt chậm nộp ngân sách nhà nước	1.367.680	-
Chi phí khác	394.459.780	9.494.150
Cộng	1.194.765.180	9.494.150

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(335.064.472)	94.328.232
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.610.091.455	1.416.906.931
Cộng	1.275.026.983	1.511.235.163

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	33.129.287.760	33.553.632.321
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.312.928.776)	(2.684.290.586)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.416.358.984	29.469.341.735
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.727.500	34.513.788
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	774	854

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.512.128.341	91.900.641.045
Chi phí nhân công	67.548.462.638	66.580.477.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.207.196.363	38.191.216.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.640.013.347	81.130.866.432
Chi phí khác	30.698.091.825	22.497.924.859
Cộng	282.605.892.514	300.301.126.607

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả mua sắm tài sản cố định	473.173.057	945.531.242
Ứng trước mua sắm tài sản cố định	178.647.120	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	19.809.365.625	10.819.403.860
Trên 01 năm đến 05 năm	29.237.569.375	14.664.375.000
Cộng	49.046.935.000	25.483.778.860

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát:

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	70.000.000	70.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	550.000.000	266.000.000	118.000.000	934.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	-109.000.000	109.000.000
Ông Quảng Văn Việt Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội	-	-	-	109.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
đồng quản trị			109.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	-68.000.000	68.000.000
Ông Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	-35.000.000	35.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	212.923.305	-	603.523.305
Ông Lai Xuân Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	218.538.500	-	609.138.500
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	471.200.000	260.364.520	-	731.564.520
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	-72.000.000	72.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	-33.000.000	33.000.000
Cộng	1.802.400.000	957.826.325	832.000.000	3.592.226.325
Năm trước				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	80.000.000	86.398.370	115.000.000	281.398.370
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-	-30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	-105.000.000	105.000.000
Ông Quảng Văn Việt Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-95.000.000	95.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	-20.000.000	20.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên	-	-	-20.000.000	20.000.000
Các thành viên khác	1.302.602.174	725.280.850	160.000.000	2.187.883.024
Cộng	1.382.602.174	811.679.220	700.000.000	2.894.281.394

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty Cổ phần Dược Enlie
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương
Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Cổ đông lớn
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Aspire	Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Chia cổ tức	12.491.220.000	10.706.760.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	86.119.760	28.174.413
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Phí dịch vụ	-	234.890.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	2.629.630	214.536.876
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Doanh thu phân chia dịch vụ	289.831.523	299.255.742
Chi phí thuê nhà	60.000.000	12.741.936
Cổ tức được chia	1.190.000.000	1.020.000.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	166.503.946	145.120.731
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	557.962.269	48.997.836
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	40.129.601	14.708.933
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	321.764.466	428.374.842
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Phí dịch vụ	49.972.066	41.401.407
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	1.257.009.842	2.578.373.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Nhận chuyển nhượng bất động sản		-
Trả lại bất động sản	-	(1.818.181.818)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Ký quỹ dài hạn	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Ký quỹ dài hạn	-	51.000.000
Phí dịch vụ	62.897.812	-
Công ty TNHH MTV Aspire		
Phí dịch vụ	472.878.912	699.600.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước		
Mua vật tư	203.712.631	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí công tác	317.793.022	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước		
Cung cấp phần mềm	52.857.143	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

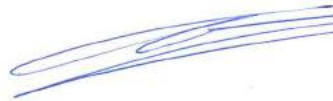
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Vi Ngọc Đại
Người lập biểu



Nguyễn Văn Phúc
Kê toán trưởng



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	122.425.000.000	-	-	-	-	122.425.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	(382.600.000)	-	-	33.553.632.321	33.171.032.321
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.284.315.521	-	(3.082.357.251)	(1.798.041.730)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(22.966.272.200)	(22.966.272.200)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>367.275.000.000</u>	<u>(382.600.000)</u>	<u>39.544.795.990</u>	<u>439.285.060</u>	<u>33.640.025.768</u>	<u>440.516.506.818</u>
Số dư đầu năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	439.285.060	33.640.025.768	440.516.506.818
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.129.287.760	33.129.287.760
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.355.363.232	-	(6.039.653.818)	(2.684.290.586)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(25.709.250.000)	(25.709.250.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>367.275.000.000</u>	<u>(382.600.000)</u>	<u>42.900.159.222</u>	<u>439.285.060</u>	<u>33.620.409.710</u>	<u>443.852.253.992</u>

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024


Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	228.674.633.118	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	363.381.559.388
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	228.674.633.118	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	363.381.559.388
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.038.955.426	570.344.567	6.766.452.489	(828.661.398)	79.547.091.084
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(43.873.522.273)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					35.673.568.811
Doanh thu hoạt động tài chính					5.471.892.706
Chi phí tài chính					(264.434.136)
Thu nhập khác					3.585.808.376
Chi phí khác					(1.194.765.180)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.867.755.834)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.275.026.983)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.129.287.760
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.643.474.398	4.886.461.634	901.514.086	1.333.255.562	18.764.705.680
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.410.850.784	10.797.008.235	1.991.963.866	2.945.929.459	42.145.752.344
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	2.591.690.302	-	-	2.591.690.302



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.297.066.689	13.403.191.096	6.898.976.430	574.723.213	82.173.957.428
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(41.165.993.619)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					41.007.963.809
Doanh thu hoạt động tài chính					1.824.555.756
Chi phí tài chính					(2.078.533.920)
Thu nhập khác					2.578.690.531
Chi phí khác					(9.494.150)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.258.314.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.511.235.163)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.553.632.321
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.959.999.823	15.877.943.672	1.966.490.760	2.941.990.870	44.746.425.125
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.633.733.847	15.260.343.371	1.890.000.674	2.827.557.007	42.611.634.900
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	898.994.950	-	-	898.994.950



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.716.436.060	23.979.328.481	33.707.417.199	-	118.403.181.740
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					410.451.212.178
Tổng tài sản					528.854.393.918
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.236.289.318	2.635.788.348	-	-	18.872.077.666
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					66.200.681.468
Tổng nợ phải trả					85.072.759.134
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.827.885.029	53.140.952.215	43.642.142.459	-	187.610.979.703
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					340.810.398.438
Tổng tài sản					528.421.378.141
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.410.064.739	3.981.516.555	-	-	27.391.581.294
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					60.513.290.029
Tổng nợ phải trả					87.904.871.323

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024)

STT	Mã Cổ Đông	Tên Cổ Đông	Số Cổ Phần	Trực tiếp	Ủy quyền
1	VNTT00001654	PHẠM THỊ LAN THẢO	15000	X	
2	VNTT00000194	HUỶNH KIM THẢO	18500	X	
3	VNTT00000619	NGUYỄN BÁ THƯỚC	30000	X	
4	VNTT00001185	NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH	30000	X	
5	VNTT00001332	NGUYỄN VĂN PHÚC	30400	X	
6	VNTT00000182	HUỶNH BÍCH HẠNH	41297	X	
7	VNTT00002438	TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM	2000000	X	
8	VNTT00002439	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP	17844600	X	
9	VNTT00002118	VÕ THỊ THANH HƯƠNG	55640	X	
10	VNTT00000133	GIANG QUỐC DŨNG	72287	X	
11	VNTT00001739	QUANG VĂN VIỆT CƯƠNG	75000	X	
12	VNTT00000486	LÊ THỊ XUÂN DIỆU	20000	X	
13	VNTT00001984	TRẦN TÂN CHỨC	30	X	
14	VNTT00001919	TRẦN THỊ KIM XUYỀN	10	X	
15	VNTT00000102	CHÂU THỊ THANH LOAN	100	X	
16	VNTT00001951	TRẦN THỊ THANH NGÂN	600	X	
17	VNTT00001449	NGÔ HOÀNG NGUYỆT	2	X	
18	VNTT00001702	PHẠM VĂN HẢI	100	X	
19	VNTT00000076	CAO KHAI TRÍ	10	X	
20	VNTT00002216	VŨ VĂN HIẾN	2	X	
21	VNTT00000903	NGUYỄN THANH TIỀN	800	X	
22	VNTT00001698	PHẠM VĂN HUẤN	100	X	
23	VNTT00000447	LÊ THỊ KIM THOẢ	100	X	
24	VNTT00002152	VŨ HẢI BẮC	400		X
25	VNTT00001415	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	10000		X
26	VNTT00000306	KIỀU HỒNG NGỌC	100	X	
27	VNTT00001451	NGÔ HOÀNG THANH HIỀN	2	X	
28	VNTT00000482	LÊ THỊ TRƯỜNG AN	6500	X	
29	VNTT00001111	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	7	X	
30	VNTT00001780	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	200	X	
31	VNTT00001047	NGUYỄN THỊ KIM THUY	11	X	
32	VNTT00000812	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG KHÁNH	2000		X
33	VNTT00001635	PHẠM THÁI HẬU	14100	X	
34	VNTT00000443	LÊ THỊ KHÁNH HÒA	30		X
35	VNTT00002209	VŨ TUẤN HÙNG	4	X	
36	VNTT00001848	TRẦN NGÔ HỮU TÀI	2		X
37	VNTT00002080	VÕ MINH DŨNG	68500	X	
38	VNTT00001452	NGÔ HOÀNG THỊ THUY MỸ	137	X	
39	VNTT00001501	OÁCH THỊ MỸ PHƯƠNG	37900	X	
40	VNTT00000651	NGUYỄN ĐIỂM KIỀU GIANG	7	X	
41	VNTT00002314	ĐÀO TĂNG LỘC	12900	X	
42	VNTT00001002	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	4		X
43	VNTT00002282	ĐOÀN THỊ THUY	300	X	
44	VNTT00000336	LÊ BÌNH MINH	8900		X
45	VNTT00000238	HUỶNH TIỀN ĐẠT	600		X
46	VNTT00000342	LÊ DUY HÙNG	8	X	
47	VNTT00000518	LÊ VĂN PHÚC	100		X
48	VNTT00000217	HUỶNH THỊ BUỒI	3		X



49	VNTT00000816	NGUYỄN NGỌC THUY VÂN	7	X	
50	VNTT00000601	MẠC THAI SƯƠNG	100		X
51	VNTT00002159	VŨ LÊ TRÀ	40		X
52	VNTT00000600	MẠC THỜI VÂN	100		X
53	VNTT00002433	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT	1700000		X
54	VNTT00002081	VŨ MINH HÙNG	3		X
55	VNTT00000682	NGUYỄN HOÀNG NHANH	12700	X	
56	VNTT00000295	HỨA NGỌC SƠN	1	X	
57	VNTT00000426	LÊ THỊ BÌNH QUÊ	800	X	
58	VNTT00000316	LAI XUÂN NGHĨA	30400	X	
59	VNTT00001500	OÁCH HỮU NGHĨA	4000		X
60	VNTT00000069	CAO ANH HẢO	10		X
61	VNTT00002302	ĐÀO MẠNH LONG	2	X	
62	VNTT00002085	VŨ NGỌC NHÂN	3	X	
63	VNTT00002310	ĐÀO THỊ MỸ DUYÊN	10		X
64	VNTT00002158	VŨ LÊ HỒNG VÂN	150	X	
65	VNTT00000915	NGUYỄN THANH VINH	10		X
66	VNTT00001403	NGUYỄN XUÂN VINH	500	X	
67	VNTT00000070	CAO ANH KIẾT	10		X
68	VNTT00001594	PHẠM KIM DUNG	10		X
69	VNTT00001756	TRƯƠNG GIA THUẬN	18400	X	
70	VNTT00002144	VŨ ANH DUY	52		X
71	VNTT00000191	HUỶNH DUY NGHĨA	80	X	
72	VNTT00000118	DƯƠNG MUỐI MUỐI	22	X	
73	VNTT00000196	HUỶNH LỆ OANH	5	X	
74	VNTT00001522	PHAN QUỐC CƯỜNG	2800	X	
75	VNTT00001069	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	3	X	
76	VNTT00000631	NGUYỄN CHÂU THANH HIỀN	35950	X	
77	VNTT00001270	NGUYỄN TẤT QUYỀN	7		X
78	VNTT00002076	VŨ HOÀNG PHƯƠNG NGUYỄN	13440	X	
79	VNTT00000480	LÊ THỊ TRANG	15	X	
80	VNTT00001509	PHAN HỒNG PHÚ	3000	X	
81	VNTT00002285	ĐOÀN TRỌNG HUY	4	X	
82	VNTT00001074	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	3	X	
83	VNTT00000190	HUỶNH DUY LIÊM	220	X	
84	VNTT00000710	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	7		X
85	VNTT00001781	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	3400		X
86	VNTT00001051	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	17900		X
87	VNTT00000026	BÙI THÀNH CÔNG	3		X
88	VNTT00001548	PHAN TÔN QUYỀN	7		X
89	VNTT00002277	ĐOÀN THỊ SAN	3	X	
90	VNTT00000089	CAO VĂN MẠNH	2	X	
91	VNTT00000188	HUỶNH DUY HIỂU	100	X	
92	VNTT00000223	HUỶNH THỊ KIM QUÊ	2410		X
93	VNTT00002239	ĐÌNH HỒNG QUANG	9000		X
94	VNTT00002267	ĐOÀN MẠNH QUÁT	3		X
95	VNTT00002370	ĐỖ HỮU TÂM	2010	X	
96	VNTT00001133	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	1210	X	
97	VNTT00001650	PHẠM THỊ KIM YÊN	3	X	
98	VNTT00001954	TRẦN THỊ THANH TRANG	1200		X
99	VNTT00000516	LÊ VĂN NHÂN	1		X
100	VNTT00002286	ĐOÀN TRỌNG PHƯỚC	3	X	
101	VNTT00002070	TỬ VĨ HUỆ	126	X	
102	VNTT00000680	NGUYỄN HOÀNG MINH	3		X

5700
CƠ
CỔ
CÔNG
TRUY
VIỆ
ĐẦU

103	VNTT00000504	LÊ VIỆT CƯỜNG	745300	X	
104	VNTT00002269	ĐOÀN THANH HÀ	3	X	
105	VNTT00002271	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	3		X
106	VNTT00001573	PHÙNG THỊ PHÚ	3		X
107	VNTT00002068	TỪ MỸ PHỤNG	10	X	
108	VNTT00000370	LÊ MINH THỦY	20	X	
109	VNTT00000377	LÊ MỘNG TRÚC QUỲNH	40000	X	
110	VNTT00001173	NGUYỄN THỊ TRANG	5500	X	
111	VNTT00000927	NGUYỄN THÀNH CHUÔNG	14600		X
112	VNTT00002048	TẶNG PHƯƠNG	2000		X
113	VNTT00000475	LÊ THỊ THỦY DƯƠNG	500	X	
114	VNTT00000187	HUỶNH DUY DÔNG	100	X	
115	VNTT00002431	ỪNG CÔNG LÂN	1		X
116	VNTT00001655	PHẠM THỊ LOAN	5	X	
117	VNTT00001953	TRẦN THỊ THANH PHƯỢNG	10000	X	
118	VNTT00002047	TẶNG HỮU CƯỜNG	9895		X
119	VNTT00000081	CAO NGỌC MY	5		X
120	VNTT00002164	VŨ NAM TRƯỜNG	16300	X	
121	VNTT00002279	ĐOÀN THỊ SƠN	3		X
122	VNTT00000495	LÊ TRÍ THIỆN	5		X
123	VNTT00002262	ĐOÀN CHU TOÀN	4	X	
124	VNTT00000462	LÊ THỊ NHI	163		X
125	VNTT00001219	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	10	X	
126	VNTT00001186	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	2400	X	
127	VNTT00001107	NGUYỄN THỊ NHẬT HẰNG	22035	X	
128	VNTT00001767	TRƯƠNG QUỐC HÙNG	3		X
129	VNTT00000303	KIM THỊ AN	2410	X	
130	VNTT00000222	HUỶNH THỊ KIM DUNG	1000	X	
131	VNTT00001964	TRẦN THỊ THU VÂN	2410	X	
132	VNTT00000531	LÊ XUÂN VINH	32900	X	
133	VNTT00000136	HOÀNG ANH DŨNG	1	X	
134	VNTT00002132	VÕ VĂN TÂM	22300	X	
135	VNTT00001967	TRẦN THỊ TUẤN	2		X
136	VNTT00001554	PHAN VĂN THUẬN	4000	X	
137	VNTT00000931	NGUYỄN THÀNH NGÔN	12500	X	
138	VNTT00002103	VÕ THỊ BÌNH DƯƠNG	7500		X
139	VNTT00002061	TẠ VĂN TỈNH	836200	X	
140	VNTT00000517	LÊ VĂN NHƠN	1	X	
141	VNTT00000463	LÊ THỊ NHÀN	1	X	
142	VNTT00001027	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐỨC	9		X
143	VNTT00001352	NGUYỄN VĂN THẮNG	5000	X	
144	VNTT00001985	TRẦN TẤN HÙNG	1500	X	
145	VNTT00001017	NGUYỄN THỊ HỒNG GÂM	5000		X
146	VNTT00000823	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	22300	X	
147	VNTT00001465	NGÔ QUỐC NHẢ	69900		X
148	VNTT00001966	TRẦN THỊ TUYẾT NHƯ	1700		X
149	VNTT00001982	TRẦN TỬ CHUÔNG	103		X
150	VNTT00001505	PHAN DUY THÀNH	18400	X	
151	VNTT00001139	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	6700		X
152	VNTT00001280	NGUYỄN VIỆT THƯƠNG	15000	X	
153	VNTT00000802	NGUYỄN NGỌC BẢO	25500	X	
154	VNTT00001365	NGUYỄN VĂN TÂM	100	X	
155	VNTT00000034	BÙI THỊ LINH	100	X	
156	VNTT00001911	TRẦN THỊ HỒNG HIẾU	3		X

157	VNTT00000013	BUI NGOC LONG	1	X	
158	VNTT00000311	LAI NHAT THUY TRANG	41400	X	
159	VNTT00001359	NGUYEN VAN TOAN	12400	X	
160	VNTT00000312	LAI NHAT XUAN TRANG	3900	X	
161	VNTT00000460	LE THI NGOC LAN	1100		X
162	VNTT00001121	NGUYEN THI THANH HOAI	49	X	
163	VNTT00000313	LAI XUAN DANH	1210	X	
164	VNTT00001901	TRAN THI HAY	2		X
165	VNTT00000317	LAI XUAN PHONG	800	X	
166	VNTT00000335	LE BA KHOI	100		X
167	VNTT00001620	PHAM QUYNH NGOC HAO	2000		X
168	VNTT00000318	LAI XUAN THANH	7500	X	
169	VNTT00000314	LAI XUAN DANH	318	X	
170	VNTT00002434	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN	804900	X	
171	VNTT00000962	NGUYEN THI ANH THU	2250	X	
172	VNTT00000315	LAI XUAN MINH	800	X	
173	VNTT00002383	DO QUOC CHIEN	1500	X	
174	VNTT00001090	NGUYEN THI NGOC HA	200		X
175	VNTT00000121	DUONG THI BINH	1650	X	
176	VNTT00002126	VU TAN LUC	136100	X	
177	VNTT00001924	TRAN THI LE TRANG	1500	X	
178	VNTT00001201	NGUYEN THI YEN TRUC	6000		X
179	VNTT00001666	PHAM THI NINH	2410	X	
180	VNTT00002371	DO HUU VINH	10	X	
181	VNTT00001969	TRAN THI XUAN	2410	X	
182	VNTT00000965	NGUYEN THI BICH THUAN	7200		X
183	VNTT00002398	DO THI KIM TUYEN	1210		X
184	VNTT00001370	NGUYEN VAN TU	10		X
185	VNTT00001199	NGUYEN THI XUAN THAO	500		X
186	VNTT00001606	PHAM NGOC THAO	41100		X
187	VNTT00000934	NGUYEN THANH SU	2250		X
188	VNTT00000124	DUONG THI HONG TY	10000		X
189	VNTT00000937	NGUYEN THANH TRUNG	5000		X
190	VNTT00000612	NGUYEN ANH TUAN QUOC VINH	2200	X	
191	VNTT00000774	NGUYEN MINH HOANG	96300	X	
192	VNTT00001223	NGUYEN TRUNG HIEU	100	X	
193	VNTT00001604	PHAM NGOC NANG	2000	X	
194	VNTT00000101	CHU DUC KIEM	100	X	
195	VNTT00001518	PHAN NHAT NAM	10	X	
196	VNTT00000157	HOANG THI HONG NHUNG	65100		X
197	VNTT00001685	PHAM THUY PHUONG UYEN	2000	X	
198	VNTT00001095	NGUYEN THI NGOC LOI	300	X	
199	VNTT00001979	TRAN TRONG NHAN	100	X	
200	VNTT00002037	TRINH VAN ON	100	X	
201	VNTT00000589	MAI HUY LIEU	10000		X
202	VNTT00001053	NGUYEN THI LAN ANH	3750	X	
203	VNTT00001116	NGUYEN THI THANH AN	11800		X
204	VNTT00000199	HUYNH NGUYEN ANH TUAN	3000	X	
205	VNTT00001329	NGUYEN VAN PHI	9000	X	
206	VNTT00002408	DO THI XINH	3800	X	
207	VNTT00000979	NGUYEN THI DIEM THU	10400	X	
208	VNTT00001178	NGUYEN THI TRUC LINH	2800	X	
209	VNTT00000796	NGUYEN MOC LINH CHI	3000	X	
210	VNTT00001559	PHAN DINH DINH	17000	X	

197-
Y
N
HỆ
HÔNG
M
BÌNH

211	VNTT00001156	NGUYỄN THỊ THUY HƯƠNG	9000		X
212	VNTT00000254	HUYỄN ĐÌNH THÁI LINH	1500	X	
213	VNTT00000950	NGUYỄN THÁI HÒA	7650		X
214	VNTT00001187	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	2810	X	
215	VNTT00000978	NGUYỄN THỊ DIỄM THU	10300	X	
216	VNTT00001260	NGUYỄN TÂN PHÚC	18800	X	
217	VNTT00001598	PHẠM MAI TÂN ĐẠT	4000	X	
218	VNTT00000499	LÊ TUẤN	500		X
219	VNTT00000786	NGUYỄN MINH TÂM	23400	X	



CHỦ TỌA

DƯƠNG NGỌC HOÀNG VŨ
 Chủ tịch HĐQT

